

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 471 + 472

Ngày 15 tháng 12 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |    |
|-------------|--|----|
| 11-11-2024- | Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | 3  |
| 22-11-2024- | Quyết định số 105/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.                | 14 |
| 25-11-2024- | Quyết định số 106/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước đảm bảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 16 |

- 27-11-2024- Quyết định số 107/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 80/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp Thành phố. 26
- 28-11-2024- Quyết định số 108/2024/QĐ-UBND quy định về phân bổ diện tích đất khi bán nhà biệt thự có nhiều hộ ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 28
- 29-11-2024- Quyết định số 109/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy định thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 32
- 29-11-2024- Quyết định số 110/2024/QĐ-UBND ban hành quy định về chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 34
- 29-11-2024- Quyết định số 111/2024/QĐ-UBND ban hành Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 51
- 30-11-2024- Quyết định số 112/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 91/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành bản Quy định về quản lý nuôi thủy sản lồng, bè trên sông Tắc Quận 9. 70

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác bồi thường  
nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6197/TTr-STP-THPL ngày 25 tháng 9 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2024.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Ngọc Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Phối hợp quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các nội dung khác không nêu tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành); các cơ quan tiến hành tố tụng; cơ quan thi hành án; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc phối hợp căn cứ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan; việc trao đổi,

quản lý tài liệu trong quá trình phối hợp bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Bảo đảm việc quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả.

#### **Điều 4. Hình thức phối hợp**

Công tác phối hợp thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Phối hợp bằng văn bản

Cơ quan chủ trì phát hành văn bản nêu rõ vấn đề cần lấy ý kiến; cơ quan phối hợp trả lời đúng nội dung và thời hạn nêu trong văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan.

2. Tổ chức họp liên ngành

Cơ quan chủ trì tổ chức họp chuẩn bị tài liệu cuộc họp, nội dung cần lấy ý kiến; cơ quan phối hợp được mời họp có trách nhiệm cử đại diện theo đúng yêu cầu, chuẩn bị ý kiến và tài liệu theo đề nghị của cơ quan chủ trì tổ chức cuộc họp.

3. Thành lập đoàn công tác liên ngành.

4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

**Điều 5. Phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước**

1. Hằng năm, căn cứ văn bản triển khai, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản triển khai của các cơ quan theo ngành dọc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai, tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố phối hợp thực hiện và chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

## **Điều 6. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính cho cán bộ, công chức được giao tham mưu công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý; cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn theo đề nghị của Sở Tư pháp và các cơ quan chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Công an Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng, thi hành án cho cán bộ, công chức, người thi hành công vụ được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; tạo điều kiện cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn theo đề nghị của Sở Tư pháp.

## **Điều 7. Phối hợp theo dõi vụ việc bồi thường nhà nước**

1. Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết hoặc là bị đơn, bị đơn dân sự, người bị kiện trong vụ án dân sự, vụ án hình sự hoặc vụ án hành chính có nội dung giải quyết bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

b) Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố và của các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố lập danh mục vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án với vai trò là cơ quan xét xử các vụ việc do Tòa án nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thụ lý giải quyết.

d) Danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường được lập theo Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và gửi kèm theo báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác bồi thường nhà nước.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu về kết quả giải quyết yêu cầu bồi thường, tiến độ thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ trong quá trình giải quyết vụ việc

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường.

b) Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố cung cấp thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng, thi hành án với vai trò là cơ quan giải quyết bồi thường do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ thuộc phạm vi quản lý gây ra.

c) Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố cung cấp thông tin, tài liệu liên quan các vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án với vai trò là cơ quan xét xử các vụ việc do Tòa án nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thụ lý giải quyết.

3. Căn cứ tình tiết, diễn biến trong quá trình giải quyết vụ việc bồi thường, các cơ quan ban hành văn bản cho tổ chức, cá nhân yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, đồng thời gửi cho Sở Tư pháp văn bản đã phát hành và tài liệu liên quan, gồm:

a) Hồ sơ thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết yêu cầu bồi thường;

b) Quyết định hoãn giải quyết bồi thường;

c) Quyết định tạm đình chỉ giải quyết bồi thường;

d) Quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường;

đ) Bản án, quyết định về việc giải quyết bồi thường; quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường và các tài liệu khác liên quan trong quá trình tố tụng giải quyết vụ việc;

e) Quyết định hoàn trả.

## **Điều 8. Phối hợp đôn đốc công tác bồi thường nhà nước**



1. Các sở, ban, ngành chủ động đôn đốc hoặc đôn đốc trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp đối với cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường, chi trả tiền bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ; phối hợp thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước và Quy chế này.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố chủ động đôn đốc hoặc đôn đốc trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp đối với cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường, chi trả tiền bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ; phối hợp thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước và Quy chế này.

3. Nội dung, căn cứ và hình thức đôn đốc thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương II Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

### **Điều 9. Phối hợp kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, tình hình thi hành pháp luật bồi thường nhà nước; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác bồi thường nhà nước**

1. Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, tình hình thi hành pháp luật bồi thường nhà nước được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất khi có căn cứ theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nội dung, căn cứ và trình tự thủ tục kiểm tra thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 08/2019/TT-BTP và quy định pháp luật liên quan.

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; phối hợp cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn tham gia đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo đề nghị của cơ quan chủ trì, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra khi được yêu cầu.

b) Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố, căn cứ tình hình thực tế, tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn tham

gia Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo đề nghị của cơ quan chủ trì, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra khi được đề nghị.

## 2. Thanh tra công tác bồi thường nhà nước

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra khi có căn cứ theo quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật thanh tra. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

## 3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

4. Các cơ quan chủ trì kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thông tin cho Sở Tư pháp về tình hình thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo sau khi kết thúc việc kiểm tra, thanh tra, có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo và trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác bồi thường nhà nước.

## **Điều 10. Phối hợp thực hiện thống kê, báo cáo công tác bồi thường nhà nước**

1. Thống kê, báo cáo công tác bồi thường nhà nước được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc đột xuất để phục vụ các kỳ họp của Quốc hội, theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và triển khai của Sở Tư pháp.

2. Các sở, ban, ngành thực hiện thống kê, báo cáo công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thống kê, báo cáo công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính thuộc phạm vi quản lý, trong hoạt động tổ tụng và thi hành án thuộc địa bàn quản lý.

4. Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tổ tụng, thi hành án dân sự thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý; thống kê, báo cáo số liệu vụ việc bồi thường nhà nước trong hoạt động tổ tụng, hành

chính và thi hành án dân sự được thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hành chính, hình sự nêu tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

5. Công an Thành phố thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý.

6. Nội dung báo cáo định kỳ công tác bồi thường nhà nước thực hiện theo hướng dẫn và biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

7. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ công tác bồi thường nhà nước về Sở Tư pháp

a) Báo cáo số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo: trước ngày 20 tháng 11 của năm báo cáo.

b) Báo cáo năm chính thức: trước ngày 15 tháng 01 của năm liền kề năm báo cáo.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN**

#### **Điều 11. Sở Tư pháp**

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế, đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên địa bàn Thành phố.

#### **Điều 12. Sở Tài chính**

1. Phối hợp tham gia xác minh thiệt hại đối với những vụ việc phức tạp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường; phối hợp tham gia thương lượng việc bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường cùng cấp.

2. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán, quyết toán kinh phí hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **Điều 13. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

1. Phân bổ, bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn.

2. Bố trí ngân sách cho công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình theo quy định.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước công tác bồi thường nhà nước theo Quy chế này và quy định pháp luật liên quan.

### **Điều 14. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố**

Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý; chịu trách nhiệm thực hiện và phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác bồi thường nhà nước theo Quy chế này và quy định pháp luật liên quan.

### **Điều 15. Phối hợp với các cơ quan tố tụng, thi hành án, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thực hiện, phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo Quy chế này và quy định pháp luật liên quan; triển khai Quy chế này cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp cung cấp thông tin, tình hình thi hành pháp luật bồi thường nhà nước thu thập được thông qua việc thực hiện chức năng giám sát; phối hợp tham gia hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật bồi thường nhà nước theo đề nghị của cơ quan chủ trì Đoàn kiểm tra liên ngành của Thành phố, góp phần thực hiện hiệu quả chức năng giám sát.

---

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổ chức thi hành Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời thông tin về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 105/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm  
2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban  
hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị  
định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9904/TTr-STNMT-KTTV ngày 01 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5995/BC-STP-KTrVB ngày 17 tháng 9 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 12 năm 2024.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng  
nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước  
đảm bảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban  
hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị  
định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết  
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã  
được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng  
12 năm 2020 của Chính phủ;



*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9918/TTr-STNMT-KHTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5022/BC-STP-VB ngày 05 tháng 8 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước đảm bảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố có liên quan; Giám đốc Kho bạc nhà nước Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí  
sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước đảm bảo  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định: 106/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số mức chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm (một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường) để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không áp dụng mức chi tại Quyết định này.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### Chương II MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

#### Điều 3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Thực hiện theo Phụ lục đính kèm Quy định này.

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí ngân sách nhà nước: Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.
2. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Đối với dự án, đề án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
4. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) đã được phê duyệt đề cương và dự toán (theo mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính) trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục áp dụng thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt, không phải xây dựng lại dự toán kinh phí theo mức chi được quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các nhân có liên quan tổ chức triển khai, áp dụng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại Quyết định này để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên tinh thần tiết

kiệm và có hiệu quả.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trường hợp Nhà nước ban hành những quy định mới có liên quan đến các nội dung trong Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất nội dung cần điều chỉnh, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**PHỤ LỤC**  
**MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Đính kèm Quyết định số 106/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:		Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
a)	- Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
b)	- Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
c)	- Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
d)	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Bài viết	500	
e)	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	không quá 5 bài viết)			
<b>4</b>	<b>Điều tra, khảo sát</b>			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
a)	- Cá nhân	Phiếu	50	
b)	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
<b>5</b>	<b>Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:</b>			
5.1.	- Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
5.2.	- Dự án	Báo cáo	15.000	
<b>6</b>	<b>Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu</b>			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	<b>có)</b>			
6.1.	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
6.2.	- Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
6.3.	- Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	
6.4.	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
6.5.	- Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
6.6	- Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
6.7.	- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
<b>7</b>	<b>Hội thảo khoa học (nếu có)</b>			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
7.1.	- Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	
7.2.	- Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300	
7.3.	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150	
7.4.	- Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
<b>8</b>	<b>Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ</b>			
8.1	<i>Nghiệm thu nhiệm vụ:</i>			
a)	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	
b)	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
8.2	<i>Nghiệm thu dự án:</i>			
a)	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
b)	- Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
c)	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện	Bài viết	500	
d)	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
<b>9</b>	<b>Chi giải thưởng môi trường:</b>			<i>Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 07/5/2021</i>
9.1.	- <i>Tổ chức hoặc cộng đồng</i>			



<b>Số TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi (1.000 đ)</b>	<b>Ghi chú</b>
a)	+ Giải Nhất	Giải	20.000	<i>của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế giải thưởng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh</i>
b)	+ Giải Nhì	Giải	16.000	
c)	+ Giải Ba	Giải	12.000	
9.2.	<b>- Cá nhân</b>			
a)	+ Giải Nhất	Giải	15.000	
b)	+ Giải Nhì	Giải	10.000	
c)	+ Giải Ba	Giải	8.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 107/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 80/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp Thành phố**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều*

theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 28329/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7362/BC-STP ngày 04 tháng 11 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 80/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp Thành phố.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Diệu Thúy**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân bổ diện tích đất khi bán nhà biệt thự có nhiều hộ ở  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm

2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 11209/TTr-SXD-QLN&CS ngày 21 tháng 11 năm 2024; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6861/BC-STP ngày 17 tháng 10 năm 2024 và kết quả biểu quyết của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về nguyên tắc, công thức xác định diện tích đất phân bổ của mỗi hộ để tính tiền sử dụng đất khi bán nhà ở cũ thuộc tài sản công có cấu trúc biệt thự, có nhiều hộ ở trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bán nhà biệt thự có nhiều hộ ở thuộc tài sản công.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ diện tích đất**

1. Việc phân bổ diện tích đất khi bán nhà biệt thự thực hiện đối với phần diện tích đất xây dựng nhà có nhiều hộ ở. Phần diện tích đất xây dựng nhà có một hộ ở được tính là diện tích đất sử dụng riêng của hộ đang ở.

2. Việc phân bổ diện tích đất của mỗi hộ được thực hiện từ phần diện tích đất xây dựng nhà biệt thự có nhiều hộ ở trước, sau đó tính đến các phần diện tích khác.

### **Điều 4. Công thức tính phân bổ diện tích đất xây dựng nhà biệt thự có nhiều hộ ở**

$$\text{DT đất XD phân bổ} = \frac{\text{DTSD của hộ xét bán} \times \text{hệ số tầng tương ứng}}{\text{Tổng DTSD của từng tầng} \times \text{hệ số tầng tương ứng}} \times \text{Tổng DT đất XD phần nhà biệt thự có nhiều hộ ở}$$

Trong đó:

DT đất XD phân bổ: Diện tích đất xây dựng phần nhà biệt thự có nhiều hộ ở phân bổ cho hộ xét bán.

DTSD của hộ xét bán: Diện tích sử dụng nhà của hộ xét bán (bao gồm diện tích nhà sử dụng riêng và diện tích nhà sử dụng chung phân bổ cho căn hộ đó).

Tổng DTSD của từng tầng: Tổng diện tích sử dụng nhà của từng tầng (bao gồm diện tích nhà sử dụng riêng và diện tích nhà sử dụng chung).

Tổng DT đất XD phần nhà biệt thự có nhiều hộ ở: Tổng diện tích đất xây dựng phần nhà biệt thự có nhiều hộ ở căn phân bổ.

Hệ số tầng: được quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

### **Điều 5. Công thức tính phân bổ diện tích đất sử dụng chung**

$$\text{DT đất chung phân bổ} = \frac{\text{Tổng (DT đất riêng + DT đất XD phân bổ) của hộ xét bán}}{\text{Tổng (DT đất riêng + DT đất XD phân bổ) của các hộ sử dụng chung nhà biệt thự}} \times \text{Tổng DT đất sử dụng chung}$$

Trong đó:

DT đất chung phân bổ: Diện tích đất chung phân bổ cho hộ xét bán để làm cơ sở tính tiền sử dụng đất khi tính giá bán nhà ở cũ thuộc tài sản công cho người đang thuê.

DT đất riêng: Diện tích đất sử dụng riêng của hộ xét bán.

DT đất XD phân bổ: Diện tích đất xây dựng chung đã phân bổ cho mỗi hộ.

Tổng DT đất sử dụng chung: Tổng diện tích đất chung của nhà biệt thự thuộc tài sản công cần phân bổ.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem

xét, chỉ đạo giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành nhà ở cũ thuộc tài sản công và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy định thẩm quyền  
phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội  
đồng nhân dân Thành phố phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ  
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm



2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3447/TTr-SNN ngày 04 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 6218/BC-STP ngày 25 tháng 9 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy định thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành quy định về chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

*Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 14369/TTr-VP ngày 19 tháng 11 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7624/BC-STP ngày 14 tháng 11 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành văn bản**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Quyết định số 110/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện báo cáo phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi UBND Thành phố).

2. Quyết định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.

b) Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề; báo cáo thống kê, báo cáo mật, báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

Các nội dung liên quan đến báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất khác thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND Thành phố thực hiện theo các quy định liên quan tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND Thành phố;

2. Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc

phạm vi chức năng quản lý của UBND Thành phố.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo yêu cầu thực hiện báo cáo của UBND Thành phố.

### **Điều 3. Nguyên tắc báo cáo**

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND Thành phố. Đáp ứng các nguyên tắc theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Chế độ báo cáo được ban hành phải thực sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; Các chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan Trung ương đã quy định và áp dụng cho các cấp chính quyền thì sở, ban, ngành thực hiện thống nhất theo quy định; Các sở, ban, ngành chỉ thực hiện những nội dung báo cáo phục vụ mục tiêu quản lý của Thành phố chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương.

3. Bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, cần thiết đối với hoạt động quản lý, không trùng lặp với chế độ báo cáo khác, giảm tối đa yêu cầu về tần suất, nội dung báo cáo nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực trong việc thực hiện chế độ báo cáo.

4. Đối với mỗi chế độ báo cáo định kỳ, cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ phải thực hiện một trong các báo cáo: tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm. Không được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi cùng một báo cáo nhiều lần đến nhiều đơn vị thuộc UBND Thành phố.

5. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, đẩy mạnh việc số hóa dữ liệu thông tin báo cáo, nâng cao trình độ công tác tham mưu kịp thời đưa ra các chính sách, phương án, giải pháp giúp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành UBND Thành phố.

### **Điều 4. Yêu cầu của báo cáo**

1. Đảm bảo các yêu cầu chung về việc ban hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo. Áp dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dụng của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### 3. Đối với cơ quan gửi báo cáo

a) Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu.

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống.

### 4. Đối với cơ quan nhận báo cáo

a) Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Kịp thời trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác.

c) Tổng hợp và gửi báo cáo cho cấp có thẩm quyền về thông tin, số liệu tại các báo cáo.

d) Chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Hình thức báo cáo, nội dung báo cáo, phương thức gửi báo cáo**

#### 1. Hình thức báo cáo:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và gửi bản điện tử kèm theo.

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử (sau đây gọi là Báo cáo điện tử) là các báo cáo có chữ ký số của người có thẩm quyền, được các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc UBND Thành phố và các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền trên phân hệ Báo cáo điện tử của Hệ thống quản trị thực thi thành phố Hồ Chí Minh trên nền tảng số.

#### 2. Nội dung báo cáo:

Nội dung chế độ báo cáo định kỳ bao gồm tối thiểu các thành phần quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7 và phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng quy định tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

### 3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo của các ngành, địa phương được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi qua Hệ thống liên thông văn bản điện tử Thành phố;
- b) Gửi qua Hệ thống thư điện tử;
- c) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

d) Gửi qua phân hệ Báo cáo điện tử của Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số (sau đây gọi là Hệ thống quản trị thực thi) và các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Hệ thống thư điện tử công vụ hoặc Hệ thống Hệ thống quản trị thực thi có phát sinh yếu tố khách quan ảnh hưởng tới việc gửi, nhận báo cáo thì thực hiện báo cáo giấy thay thế.

### 5. Ký số báo cáo

Báo cáo được gửi qua bằng phương thức điện tử phải được ký số theo đúng quy định của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản liên quan.

### **Điều 6. Kỳ báo cáo**

Trên cơ sở quy định cụ thể của từng loại báo cáo, các kỳ báo cáo được xác định gồm:

1. Báo cáo tuần.
2. Báo cáo tháng.
3. Báo cáo quý.
4. Báo cáo 06 tháng.
5. Báo cáo 09 tháng.
6. Báo cáo hàng năm.
7. Báo cáo theo giai đoạn (03 năm hoặc 05 năm).

### **Điều 7. Thời gian chốt số liệu báo cáo**

1. Báo cáo hàng tuần: Tính từ sáng ngày thứ năm tuần trước tới hết ngày thứ tư

của tuần báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ hàng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo tới hết ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 06 tháng: Thời gian chốt số liệu 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; Thời gian chốt số liệu 06 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ 09 tháng: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo.

6. Báo cáo định kỳ hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Trường hợp UBND Thành phố quy định báo cáo định kỳ khác, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại văn bản yêu cầu báo cáo được quy định tại Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ.

### **Điều 8. Thời hạn gửi báo cáo và quy trình báo cáo**

1. Thời hạn gửi báo cáo của từng cơ quan, đơn vị:

a) Thời hạn gửi báo cáo của các cơ quan, đơn vị là 03 ngày làm việc kể từ ngày chốt số liệu báo cáo.

b) Thời gian cho mỗi cấp tổng hợp thực hiện việc tổng hợp báo cáo là 03 ngày làm việc.

c) Trường hợp báo cáo tuần: việc gửi báo cáo được thực hiện chậm nhất là trong ngày thứ 5 hàng tuần.

2. Trường hợp báo cáo tháng trùng thời hạn gửi với Báo cáo quý, Báo cáo 06 tháng, Báo cáo 09 tháng và báo cáo năm thì các cơ quan, đơn vị không phải thực hiện chế độ báo cáo tháng của kỳ báo cáo đó.

3. Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày nghỉ đó.

4. Quy trình báo cáo



a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) và các phòng, ban, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức (sau đây gọi là UBND cấp huyện); các cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành báo cáo cơ quan chủ quản của đơn vị mình; UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành báo cáo UBND Thành phố; UBND Thành phố báo cáo Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và các cơ quan trung ương theo quy định của từng loại báo cáo.

b) Các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố báo cáo UBND Thành phố hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo theo từng loại báo cáo.

### **Điều 9. Chinh lý, bổ sung báo cáo**

1. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo được áp dụng trong trường hợp thông tin, số liệu trong báo cáo còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý.

2. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo được thể hiện bằng bản thư điện tử có ký số hoặc văn bản điện tử, báo cáo điện tử trên Hệ thống trong đó nêu rõ thời gian lập báo cáo và có chữ ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng chữ ký số theo đúng quy định của pháp luật của người có thẩm quyền ký, ban hành báo cáo tại nơi lập báo cáo.

3. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo được thực hiện trong thời hạn chậm nhất là trước thời hạn của cấp báo cáo cuối cùng nhận báo cáo.

### **Điều 10. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo**

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ liên quan về kinh tế- xã hội của các sở, ngành và UBND cấp huyện: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND Thành phố giúp UBND Thành phố tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Các chế độ báo cáo đột xuất hoặc theo yêu cầu khác của UBND Thành phố hoặc của Bộ ngành trung ương: Các cơ quan, đơn vị chủ trì phải thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo chung theo thời hạn quy định tại Điều 4 và Điều 8 của Quy định này hoặc theo yêu cầu của Bộ ngành trung ương để trình UBND Thành phố.

3. Đối với báo cáo định kỳ do Bộ, ngành trung ương quy định yêu cầu Thành phố thực hiện báo cáo cần lấy dữ liệu tại các cấp, đơn vị chủ trì cần thống nhất số liệu, khái niệm, phương pháp tính, đơn vị tính, ngày chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo theo đúng quy định tại Điều 8 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo của các đơn vị.

4. Trường hợp nhiều đơn vị yêu cầu trùng dữ liệu báo cáo thì đơn vị chủ trì phải sử dụng dữ liệu của đơn vị chuyên môn quản lý nhà nước đối với lĩnh vực, dữ liệu báo cáo đó. Đơn vị chuyên môn quản lý nhà nước đối với lĩnh vực, dữ liệu báo cáo cung cấp chính xác, thống nhất dữ liệu báo cáo theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và quy định về chế độ báo cáo của bộ ngành quản lý chuyên môn.

### **Điều 11. Danh mục báo cáo, hình thức công bố danh mục báo cáo định kỳ**

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố có trách nhiệm tham mưu, xây dựng danh mục báo cáo định kỳ thuộc chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực tại các văn bản quy phạm pháp luật do mình tham mưu, trình UBND Thành phố ban hành. Đảm bảo các yêu cầu chung về việc ban hành chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố được công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố.

3. Việc công khai công bố, công khai danh mục báo cáo định kỳ được thể hiện bằng Quyết định công bố của UBND Thành phố.

### **Điều 12. Trách nhiệm, quy trình công bố danh mục báo cáo định kỳ**

1. Các Sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố căn cứ quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ chủ trì việc rà soát, lập danh mục báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do mình chủ trì soạn thảo.

Nội dung Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo; gửi xin ý kiến của cơ quan thực hiện chậm nhất sau 05 ngày làm việc.

Cơ quan dự thảo Quyết định công bố danh mục báo cáo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo để trình Chủ tịch UBND Thành phố ký, ban hành chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý. Văn bản tiếp thu, giải trình được bổ sung kèm theo hồ sơ hoàn thiện trình ban hành Quyết định công bố danh mục báo cáo.

2. Văn phòng UBND Thành phố cho ý kiến trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của các đơn vị.

3. Cơ quan chủ trì rà soát, lập danh mục tiếp thu ý kiến, hoàn thiện danh mục và

trình UBND Thành phố ban hành danh mục chế độ báo cáo định kỳ để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố.

4. Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh mục báo cáo định kỳ, các đơn vị được giao chủ trì rà soát, gửi hồ sơ bao gồm: Quyết định phê duyệt danh mục báo cáo và văn bản đề nghị đăng tải tới Cổng thông tin điện tử của Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định về danh mục báo cáo có hiệu lực thi hành.

5. Cổng thông tin điện tử của Thành phố có trách nhiệm đăng tải và duy trì danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng, thời gian đăng tải chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công bố danh mục báo cáo có hiệu lực thi hành.

### **Chương III**

## **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 13. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

1. Các đơn vị thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng, chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

#### **Điều 14. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống quản trị trực thi**

1. Hệ thống quản trị trực thi được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do Thành phố ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ UBND Thành phố xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp, trích xuất số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền. Đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 17, 18 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy định tại Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của UBND

Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý, khai thác và cập nhật dữ liệu của Hệ thống quản trị thực thi Thành phố Hồ Chí Minh trên nền tảng số.

2. Quản lý báo cáo theo danh mục chế độ báo cáo định kỳ do UBND Thành phố ban hành và các phân hệ phần mềm báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất khác do UBND Thành phố chủ trì.

3. Bảo đảm việc tích hợp, kết nối chia sẻ thông tin giữa Hệ thống quản trị thực thi với: (1) Hệ thống Thông tin báo cáo quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ; (2) Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, ngành; (3) các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác nhằm phục vụ cho việc chỉ đạo điều hành của UBND Thành phố. Đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ, tập trung, thống nhất và có lộ trình phù hợp; kế thừa và phát triển các Hệ thống khác, hạ tầng có sẵn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 15. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ**

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ. Được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 16. Tài khoản quản trị, sử dụng, khai thác Hệ thống**

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng chứng thư số của tổ chức được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số để đăng ký tài khoản quản trị trên nền tảng trao đổi định danh điện tử.

Trong trường hợp UBND Thành phố phân cấp cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã quản trị người dùng, danh sách cơ quan, đơn vị, địa giới hành chính trên Hệ thống quản trị thực thi thì cơ quan, đơn vị được phân cấp sử dụng chứng thư số của tổ chức để đăng ký tài khoản quản trị trên Nền tảng trao đổi định danh điện tử.

2. Cán bộ, công chức, viên chức liên quan đăng ký tài khoản trên Nền tảng trao đổi định danh điện tử để cơ quan quản lý tài khoản quản trị theo quy định tại khoản 2

Điều này phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống quản trị trực thi; bảo quản tài khoản, mật khẩu theo quy định.

**Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống quản trị trực thi**

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố là đơn vị có trách nhiệm đảm bảo vận hành thông suốt, liên tục, an toàn, ổn định của hệ thống (gồm: phần mềm, ứng dụng điện thoại di động), có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các phản ánh sự cố kỹ thuật của Hệ thống quản trị trực thi.

a) Căn cứ các chế độ báo quy định tại Chương II Quyết định này thiết kế các đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo trên từng nhóm chức năng tương ứng của Hệ thống; tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu báo cáo, dữ liệu danh mục dùng chung của Hệ thống quản trị trực thi với Công Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan triển khai các phân hệ phần mềm báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất khác theo quy định tại Quyết định này trên Hệ thống quản trị trực thi.

c) Phân quyền cho tài khoản quản trị của cơ quan, đơn vị; quản lý danh mục ngành, lĩnh vực, cơ quan và các danh mục dùng chung khác trên Hệ thống quản trị trực thi.

d) Kịp thời xử lý khi phát hiện hoặc được các cơ quan, đơn vị, cá nhân thông báo về việc Hệ thống quản trị trực thi có sai sót, sự cố kỹ thuật.

Trường hợp không thể kịp thời khắc phục được các sự cố kỹ thuật, Văn phòng UBND Thành phố thông báo trên Hệ thống hoặc bằng văn bản về việc tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ việc triển khai báo cáo trên Hệ thống quản trị trực thi.

đ) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng, khai thác Hệ thống quản trị trực thi; thực hiện việc tổng hợp, trích xuất và công khai các thông tin về việc thực hiện công tác báo cáo trên Hệ thống quản trị trực thi.

e) Nghiên cứu, đề xuất phương án nâng cấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển và sự hoạt động ổn định của Hệ thống quản trị trực thi; xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án kỹ thuật để bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho Hệ thống quản trị trực thi.

2. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố được phân quyền quản trị, theo dõi, tổng

hợp, trích xuất dữ liệu việc hiện các chế độ báo cáo của các tài khoản của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên Hệ thống quản trị trực thi.

3. Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp, các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, đơn vị vận hành Hệ thống quản trị trực thi về quy trình cập nhật dữ liệu và kỳ cập nhật dữ liệu của Hệ thống quản trị trực thi.

4. Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện:

a) Đăng ký và quản lý tài khoản quản trị của cơ quan, đơn vị; phân quyền cho tài khoản của cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống quản trị trực thi theo các nhóm tương ứng gồm: Nhập liệu, kiểm tra, duyệt, quản trị; tham gia cập nhật các danh mục dùng chung của Hệ thống quản trị trực thi.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức phụ trách sử dụng Hệ thống quản trị trực thi tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ.

c) Sử dụng chức năng của Hệ thống quản trị trực thi được quy định tại Quyết định này để thực hiện các chế độ báo cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND Thành phố; phối hợp với cơ quan đơn vị triển khai các phân hệ phần mềm báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất khác theo quy định tại Quyết định này trên Hệ thống quản trị trực thi; khai thác các thông tin tổng hợp, dữ liệu lưu trữ trên Hệ thống quản trị trực thi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc khai thác các thông tin, dữ liệu được công khai trên Hệ thống quản trị trực thi phục vụ công tác chuyên môn.

d) Cử nhân sự phụ trách kỹ thuật hoặc công nghệ thông tin theo dõi quá trình vận hành của Hệ thống quản trị trực thi, xử lý các sự cố thông thường. Thông báo ngay với Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố các trường hợp không xử lý được trên Hệ thống, để có hướng dẫn cụ thể hoặc hỗ trợ trong quá trình xử lý; đóng góp ý kiến cho Sở Thông tin và Truyền thông để cải tiến cách thức quản lý và hoàn thiện Hệ thống quản trị trực thi.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Trách nhiệm thi hành**

### 1. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc thực hiện chế độ báo cáo:

Các cơ quan đơn vị, các cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND Thành phố thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quyết định này. Đồng thời thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

### 2. Trách nhiệm của Văn phòng UBND Thành phố:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này; phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu tại Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND Thành phố công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này và theo dõi, cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử Thành phố theo quy định.

### 3. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố:

a) Thực hiện các biện pháp giám sát, phòng, chống tấn công, chống thất thoát dữ liệu, phòng, chống vi rút để bảo đảm an toàn, an ninh cho Hệ thống quản trị trực thi. Đảm bảo hạ tầng mạng ổn định, hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu Hệ thống quản trị trực thi. Hướng dẫn và đăng ký chữ ký số chuyên dụng cho các đơn vị và cá nhân có yêu cầu.

b) Hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo; vận hành xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các Hệ thống quản trị trực thi thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Văn phòng UBND Thành phố và các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm trong công tác cập nhật dữ liệu và khai thác sử dụng Hệ thống quản trị trực thi.

d) Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp báo cáo gửi UBND Thành phố về tình hình

thực hiện cập nhật dữ liệu, khai thác và sử dụng Hệ thống quản trị thực thi của các cơ quan, đơn vị.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị tham mưu UBND Thành phố định kỳ báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội của Thành phố.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc phát sinh, các cơ quan đơn vị và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng UBND Thành phố để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ/CHUYÊN ĐỀ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA .....**

*(Kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024  
của UBND Thành phố)*

DỰ THẢO

**Phần I**  
**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ/CHUYÊN ĐỀ**

**1. Báo cáo định kỳ/ mới ban hành:**

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
<b>BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>		
<b>Lĩnh vực .....</b>		
<b>1</b>		

**2. Báo cáo định kỳ/chuyên đề thay thế:**

STT	Tên Báo cáo định kỳ được thay thế	Báo cáo định kỳ thay thế	Văn bản quy định nội dung thay thế chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			
<b>Lĩnh vực .....</b>			
<b>1</b>			

**3. Báo cáo định kỳ/chuyên đề bãi bỏ:**

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định việc bãi bỏ chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
<b>BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>		
<b>Lĩnh vực ....</b>		
<b>1</b>		

\* Ghi chú:

**Phần II.**  
**CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**1. Tên báo cáo: .....**

- a) Đối tượng thực hiện báo cáo: ....
- b) Cơ quan nhận báo cáo: ....
- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: ....
- d) Thời gian chốt số liệu: ....
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: ....
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: ....
- g) Mẫu đề cương báo cáo: .....
- h) Biểu mẫu số liệu báo cáo (Nếu có): ....
- i) Văn bản quy định báo cáo (Quyết định, Kế hoạch): ....

**2. Tên báo cáo: .....**

- a) Đối tượng thực hiện báo cáo: ....
- b) Cơ quan nhận báo cáo: ....
- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: ....
- d) Thời gian chốt số liệu: ....
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: ....
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: ....
- g) Mẫu đề cương báo cáo: .....
- h) Biểu mẫu số liệu báo cáo (Nếu có): ....
- i) Văn bản quy định báo cáo (Quyết định, Kế hoạch): ....

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 111/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo  
phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7440/TTr-STP-BTTP ngày 07 tháng 11 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Giám đốc

---

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

Về mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  
(Kèm theo Quyết định số 111/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung liên quan đến quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố.

Riêng quy trình mua sắm thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm; tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị vũ trang nhân dân; tài sản của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; tài sản mua sắm từ nguồn vốn viện trợ, tài trợ, nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài mà nhà tài trợ có yêu cầu về mua sắm theo hình thức khác; tài sản mua sắm thuộc dự án đầu tư xây dựng mà việc tách thành gói thầu riêng làm ảnh hưởng đến tính đồng bộ của dự án hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy trình mua sắm tập trung của cơ quan, đơn vị đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện thì không áp dụng Quy chế này.

Trong trường hợp cần thiết trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền bổ sung cơ quan, đơn vị mua sắm tập trung cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản).

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố.

3. Các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 3. Đơn vị mua sắm tập trung, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung**

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị mua sắm tập trung của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung:

a) Sở, ban, ngành là đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung phục vụ hoạt động của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân quận, huyện là đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung phục vụ hoạt động của các phòng - ban chuyên môn trực thuộc; của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan trung ương đóng trên địa bàn Thành phố trong trường hợp được bố trí từ nguồn ngân sách của quận, huyện để mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan trung ương đóng trên địa bàn Thành phố là đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp được bố trí từ nguồn ngân sách của Thành phố để mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung.

d) Cơ quan cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ là đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung đối với các trường hợp khác.

### **Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm theo phương thức tập trung**

1. Hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung cấp quốc gia theo danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung cấp Thành phố theo danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

### **Điều 5. Yêu cầu trong mua sắm tập trung**

1. Việc mua sắm phải tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ, danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung theo quy định.

2. Thực hiện mua sắm trong phạm vi dự toán được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.

3. Bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và quá trình cải cách nền hành chính nhà nước, cải cách tài chính công.

4. Việc mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua đơn vị mua sắm tập trung.

5. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

## **Chương II**

### **MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ÁP DỤNG THEO PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG THEO CÁCH THỨC KÝ THỎA THUẬN KHUNG**

#### **Mục 1**

### **ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN**

### **Điều 6. Đăng ký nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng và văn bản hướng dẫn của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung, gửi đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về việc đăng ký nhu cầu mua sắm của mình.

2. Trên cơ sở đăng ký của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp gửi Trung tâm



Dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung không gửi nhu cầu mua sắm tập trung đối với hàng hóa, dịch vụ đã được giao dự toán mua sắm thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung thì không được phép mua sắm hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm mà đã hết thời hạn tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định giao cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

#### **Điều 7. Thông báo thỏa thuận khung và ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thông báo bằng văn bản đến các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung để thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ để ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản về thỏa thuận khung về mua sắm tập trung, các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung lựa chọn hình thức phù hợp thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ để ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung về thỏa thuận khung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu đã được Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản ký thỏa thuận khung.

4. Đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp các bản sao hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ gửi cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản để theo dõi, quản lý theo quy định.

#### **Điều 8. Thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu được lựa chọn.

2. Việc thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 9. Bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ**

1. Việc bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ được thực hiện giữa nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký kết.

2. Đơn vị đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp các bản sao Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ gửi cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản để theo dõi, quản lý theo quy định.

### **Điều 10. Quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn và quyết toán kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 11. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ**

1. Nhà thầu được lựa chọn cung cấp hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm bảo hành, bảo trì đối với hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp.

2. Nhà thầu cung cấp một bảo đảm bảo hành theo hình thức bảo lãnh với giá trị theo tỷ lệ phần trăm giá bán hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở yêu cầu của hồ sơ mời thầu và Thỏa thuận khung đã ký kết với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản. Nhà thầu chỉ được hoàn trả bảo đảm bảo hành sau khi hàng hóa, dịch vụ hết thời hạn hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, bảo trì và đã thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo trì theo thỏa thuận.

3. Nội dung, thời hạn bảo hành, bảo trì và bảo đảm bảo hành, bảo trì; chi phí liên quan và trách nhiệm của các bên (cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và nhà thầu trúng thầu) phải được thể hiện trong hồ sơ mời thầu, thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

4. Trường hợp nhà thầu vi phạm thỏa thuận về bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ thì sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

## Mục 2

### ĐỐI VỚI TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

#### **Điều 12. Xây dựng, phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung**

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm xây dựng dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung trình Sở Tư pháp lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

2. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung, thuê đơn vị tư vấn thẩm định đơn giá hàng hóa, dịch vụ, trình Sở Tư pháp xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 13. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung**

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ quan, tổ chức, đơn vị để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung của Thành phố.

#### **Điều 14. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu, gửi Sở Tài chính thẩm định trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Sở Tài chính dự thảo báo cáo thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến trước khi trình Chủ tịch

Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có công văn phúc đáp gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung.

**Điều 15. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản không đủ năng lực thì được phép thuê tư vấn đấu thầu thực hiện việc lựa chọn nhà thầu.

**Điều 16. Hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung**

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và nhà thầu trúng thầu hoàn thiện nội dung thỏa thuận khung theo quy định của pháp luật về đấu thầu, làm cơ sở ký kết thỏa thuận khung.

2. Nội dung thỏa thuận khung về mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

**Chương III**

**MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ÁP DỤNG THEO PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG THEO CÁCH THỨC KÝ HỢP ĐỒNG TRỰC TIẾP**

**Mục 1**

**ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 17. Đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ thuộc các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ có yêu cầu áp dụng theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung, gửi đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung.

2. Trên cơ sở đăng ký của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp gửi Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

**Điều 18. Tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ**

Trên cơ sở hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ được ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và nhà thầu được lựa chọn, văn bản thông báo của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tiếp nhận, hạch toán kế toán, quản lý, sử dụng hàng hóa, dịch vụ được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Mục 2.****ĐỐI VỚI TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN  
VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN****Điều 19. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung**

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

**Điều 20. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

**Điều 21. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà

thầu theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

### **Điều 22. Ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đàm phán, ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 23. Thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thanh toán cho nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua một trong các hình thức sau:

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
2. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh toán cho nhà thầu.
3. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thanh toán cho nhà thầu trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao dự toán mua sắm cho đơn vị mua sắm tập trung.
4. Việc thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 24. Bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ**

1. Căn cứ hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký kết, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thông báo kế hoạch và thời gian bàn giao hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ chậm nhất là 15 ngày trước ngày bàn giao.
2. Việc bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ được thực hiện giữa ba bên (nhà thầu trúng thầu, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ). Địa điểm bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ cần phải thuận lợi cho cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng hàng hóa, dịch vụ và tiết kiệm chi phí khi bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ.

### **Điều 25. Quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ:

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm

hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

2. Quyết toán kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ:

a) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm quyết toán với cơ quan quản lý chương trình, dự án trong trường hợp cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho Trung tâm để thanh toán cho nhà thầu.

b) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm quyết toán kinh phí mua sắm trong trường hợp giao dự toán mua sắm cho Trung tâm.

3. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

#### **Điều 26. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ**

Nhà thầu được lựa chọn thực hiện bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

### **Chương IV**

#### **MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA**

**Điều 27. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia thực hiện quy trình sau:

1. Căn cứ văn bản phân bổ dự toán của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung, gửi đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung để tổng hợp gửi đơn vị mua sắm tập trung được giao nhiệm vụ mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình mua sắm tập trung cấp quốc gia theo quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 28. Đối với đơn vị mua sắm tập trung**

1. Đơn vị mua sắm tập trung được giao nhiệm vụ mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

2. Việc tổ chức thực hiện mua sắm tập trung đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia được thực hiện khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Đấu thầu năm 2023 và thực hiện theo quy định của Chính phủ.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 29. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản**

1. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.

2. Tập hợp nhu cầu, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục áp dụng mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Ký thỏa thuận khung với nhà thầu được lựa chọn cung cấp hàng hóa, dịch vụ, phát hành tài liệu mô tả chi tiết các hàng hóa, dịch vụ được lựa chọn; quy định mẫu hợp đồng mua sắm làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ ký hợp đồng mua sắm với nhà cung cấp.

4. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định, đăng tải kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã được các đơn vị sử dụng hàng hóa, dịch vụ sử dụng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và các nội dung phải công khai khác theo quy định

5. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện mua sắm điện tử theo quy định.

6. Rà soát chặt chẽ thỏa thuận khung với nhà thầu trước khi thông báo cho đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

7. Theo dõi, giám sát việc thực hiện thỏa thuận khung, ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ, bàn giao tiếp nhận, bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ.



8. Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ; kịp thời báo cáo các cơ quan liên quan, xử lý các vấn đề phát sinh.

9. Báo cáo tình hình thực hiện mua sắm tập trung theo quy định pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

11. Các nhiệm vụ khác của đơn vị mua sắm tập trung theo quy định pháp luật.

### **Điều 30. Sở Tư pháp**

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.

2. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy, triển khai có hiệu quả nhiệm vụ mua sắm tập trung.

3. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện các nhiệm vụ về mua sắm tập trung theo quy định pháp luật; thanh tra, kiểm tra hoạt động mua sắm tập trung tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai các quy định pháp luật, chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về mua sắm tập trung.

6. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổng hợp ý kiến phản ánh của các cơ quan, đơn vị đăng ký mua sắm tập trung để rút kinh nghiệm và thực hiện mua sắm đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

### **Điều 31. Sở Tài chính**

1. Định kỳ rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo Bộ Tài chính hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính về mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố.

5. Phối hợp với đơn vị có chức năng trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực mua sắm tập trung theo thẩm quyền.

6. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai các quy định pháp luật, chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về mua sắm tập trung.

7. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức sử dụng và nhu cầu sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và các cơ quan, tổ chức có liên quan quản lý, sử dụng các khoản thu, chi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung theo quy định.

### **Điều 32. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức có liên quan giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung của Thành phố.

### **Điều 33. Đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung**

1. Phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan về mua sắm tập trung tại cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc.

2. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ đúng thời hạn quy định.

3. Lựa chọn thời gian, hình thức phù hợp để thông báo thông tin của nhà thầu đã được Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản ký kết thỏa thuận khung cho các cơ quan, tổ

chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

4. Lựa chọn thời gian, hình thức phù hợp để triển khai, tập trung các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ tại 01 địa điểm để ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu đã được Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản ký kết thỏa thuận khung trong thời hạn do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thông báo.

5. Theo dõi, đôn đốc việc ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tổng hợp các bản sao hợp đồng mua sắm, biên bản bàn giao và báo cáo của đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ về tình hình tiếp nhận, sử dụng hàng hóa, dịch vụ gửi cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản để theo dõi, quản lý theo quy định.

6. Kịp thời trao đổi, báo cáo khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến hoạt động mua sắm tập trung

#### **Điều 34. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm:

1. Phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan về mua sắm tập trung tại cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

2. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung đúng quy trình theo quy định.

3. Tuân thủ, thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tập trung theo đúng dự toán đã được phê duyệt, nhu cầu mua sắm đã đăng ký và thỏa thuận khung; công khai mua sắm tập trung theo quy định.

Trường hợp không thực hiện theo nhu cầu mua sắm đã đăng ký phải thực hiện báo cáo và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố

4. Tiếp nhận, theo dõi trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng hàng hóa, dịch vụ được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

5. Phối hợp với đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp, gửi bản sao Hợp đồng mua sắm, Biên bản nghiệm thu, hợp đồng thanh lý hàng hóa, dịch vụ về Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

6. Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng hàng hóa, dịch vụ về đơn vị đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ từ nhà thầu theo quy định.

### **Điều 35. Kho bạc nhà nước**

Kho bạc nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi đối với các khoản mua sắm từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; không thanh toán các khoản kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng không thực hiện mua sắm tập trung hoặc hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với thỏa thuận khung và quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ**

1. Ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị trực tiếp sử dụng với số lượng, chủng loại theo đúng thỏa thuận khung.

2. Thực hiện đúng thời hạn bàn giao hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị trực tiếp sử dụng theo quy định trong Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

3. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định của nhà sản xuất và thỏa thuận giữa nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

4. Ký các biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định; báo cáo tiến độ thực hiện với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

5. Tổng hợp các bản sao Hợp đồng mua sắm, biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ gửi về Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản để theo dõi, quản lý theo quy định.

6. Thực hiện đầy đủ các cam kết nêu trong hồ sơ dự thầu.

## **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 37. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo**

1. Quá trình triển khai, thực hiện quy trình mua sắm tập trung, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định.

2. Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo tại Khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật liên quan.

### **Điều 38. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị vi phạm quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy tố trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Điều 39. Trách nhiệm thi hành**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

2. Khi xét thấy cần thiết, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 112/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 91/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005  
của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành bản Quy định  
về quản lý nuôi thủy sản lồng, bè trên sông Tắc Quận 9**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình

số 3532/TTr-SNN ngày 10 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6494/BC-STP-KTrVB ngày 03 tháng 10 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 91/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành bản Quy định về quản lý nuôi thủy sản lồng, bè trên sông Tắc Quận 9.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng